



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 18

Ngày 15 tháng 4 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 04-4-2013 Chỉ thị số 06/2013/CT-UBND tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2013. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 01-4-2013 Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực thi hành. 13

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 21-3-2013 Quyết định số 1352/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 16

- 28-3-2013 Quyết định số 1494/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. 19
- 29-3-2013 Quyết định số 1532/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014. 32
- 03-4-2013 Quyết định số 1651/QĐ-UBND về ban hành Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 45
- 05-4-2013 Quyết định số 1693/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016. 55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2013

CHỈ THỊ

Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2013

Trong quý I năm 2013, mặc dù Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã nỗ lực tổ chức thực hiện, nhưng trên địa bàn đã để xảy ra 1.160 vụ tai nạn giao thông (TNGT), làm chết 180 người và bị thương 1.006 người; so với cùng kỳ năm trước, tuy kéo giảm 393 vụ TNGT (-25,31%), giảm được 668 người bị thương (-39,90%), nhưng số người chết do TNGT đã tăng 35 người (24,14%). Chỉ riêng trong tháng 3 năm 2013 đã xảy ra 309 vụ, làm chết 47 người và bị thương 269 người. Diễn biến tình hình cho thấy kết quả đạt được về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố chưa mang tính bền vững, số vụ TNGT nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng xảy ra còn nhiều, thiệt hại người chết do TNGT còn cao; tình trạng ùn tắc giao thông (UTGT) vào các giờ cao điểm còn khá phổ biến; TNGT về đường sắt và đường thủy nội địa vẫn tiềm ẩn nguy cơ; công tác quản lý trật tự lòng, lề đường tuy có chuyển biến nhưng hiệu quả chưa cao và còn rất phức tạp.

Nhìn chung, ý thức tự giác chấp hành luật lệ giao thông của một bộ phận người tham gia giao thông còn kém, cá biệt còn xem thường kỷ cương pháp luật; tốc độ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chưa đáp ứng kịp nhu cầu; công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông còn hạn chế, cộng thêm tốc độ gia tăng quá nhanh về số lượng phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn đã tác động tiêu cực đến nhiều mặt đời sống xã hội, trong đó TNGT và UTGT đã và đang là vấn đề ngày càng bức xúc của thành phố.

Với nhận thức bảo đảm trật tự an toàn giao thông là nhiệm vụ chính trị của cả hệ thống chính trị, để có thể hoàn thành mục tiêu trong năm 2013 kéo giảm 10% về tai nạn giao thông trên cả ba mặt (số vụ, thiệt hại về người chết và bị thương do TNGT) so với năm trước đã được Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc, trong những tháng còn lại của năm 2013, phải tập trung quán triệt, phối hợp thực hiện quyết liệt và đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cấp bách sau đây:

1. Tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh và sử dụng mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông; Kế hoạch công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2013 số 09/KH-UBATGTQG ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư gắn với tập trung thực hiện Chương trình hành động số 12-CtrHD/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy và Kết luận số 46-KL/TU ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, Chương trình hành động số 27-CtrHD/TU ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về năm 2013 với chủ đề “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ và ý thức tự giác của người tham gia giao thông” và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư, Thông tri số 18-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố nói trên.

2. Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các cấp chính quyền thành phố trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông trên địa bàn; rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông phù hợp với thực tiễn; chú trọng

giáo dục phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ khi thực thi công vụ, gương mẫu chấp hành pháp luật.

Đề nghị các cấp ủy Đảng, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chức năng phải xem công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của chính quyền các cấp, các ngành, phải có chương trình hành động cụ thể để thực hiện và thực hiện nghiêm nhiệm vụ được giao.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm thường xuyên giáo dục vận động đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động ở đơn vị mình quản lý gương mẫu tự giác chấp hành pháp luật giao thông, đội mũ bảo hiểm đúng tiêu chuẩn, quy cách khi tham gia giao thông, thực hiện nếp sống văn hóa giao thông, văn minh đô thị; xem việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông là tiêu chí để đánh giá đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng.

Công an thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận - huyện phải thường xuyên sinh hoạt, quán triệt trong đội ngũ các lực lượng chức năng kiểm tra xử lý (Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự, Thanh tra giao thông, Thanh tra xây dựng, Công an quận - huyện...) về ý thức “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ” khi làm nhiệm vụ, đảm bảo việc tuân tra, kiểm soát và xử lý vi phạm được thực hiện công khai và đúng pháp luật; tăng cường biện pháp giám sát chặt chẽ hoạt động của đơn vị cơ sở để kịp thời phát hiện, ngăn chặn hoặc xử lý nghiêm những biểu hiện, hành vi tiêu cực, những nhiễu. Giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ, ngoài việc tuân tra xử lý, cần phát huy tinh thần phục vụ nhân dân khi thực thi công vụ, chú trọng phổ biến pháp luật cho người vi phạm khi tham gia giao thông.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông, thực hiện nếp sống văn hóa giao thông cho người tham gia giao thông và trong cộng đồng; phổ biến giáo dục đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học sinh; tuyên truyền phổ biến đến từng địa bàn phường - xã, thị trấn, khu dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình; đặc biệt chú trọng giáo dục cho tầng lớp thanh niên là đối tượng chiếm tỷ lệ tử vong cao do TNGT.

a) Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện những nội dung đã được chỉ đạo tại Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư

Trung ương Đảng và Thông tri số 18-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy; phát động phong trào thi đua nâng cao ý thức trách nhiệm của người thực thi công vụ, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội; tập trung xây dựng ý thức chấp hành pháp luật giao thông, ý thức ứng xử nơi công cộng.

Tiếp tục nhân rộng những mô hình hay, các hoạt động phong trào thiết thực, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng dân cư trong thời gian qua, nhất là phong trào “3 không, 3 có” khi tham gia giao thông (Không lái xe khi đã uống rượu bia; Không lấn tuyến, giành đường, vượt ẩu; Không chạy xe quá tốc độ; Có đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy; Có giấy phép lái xe; Có ý thức tham gia các hoạt động tự quản về an toàn giao thông).

b) Đề nghị Thành đoàn TNCS Hồ Chí Minh với vai trò tiên phong, chủ động phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, nhà máy, trường học để đẩy mạnh tuyên truyền vận động, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, phát động các phong trào rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong mọi thành phần đoàn viên, thanh thiếu niên, sinh viên, học sinh, thanh niên công nhân, nông thôn... thông qua các hoạt động tọa đàm, hội thảo, hội thi, hội trại, chiến dịch “Mùa hè xanh”...; đặc biệt chú trọng giáo dục cho đối tượng thanh niên trong các lực lượng chức năng thực thi công vụ theo chủ đề của năm 2013 “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ và ý thức tự giác của người tham gia giao thông”.

c) Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố chủ trì:

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành viên, Ủy ban nhân dân các quận - huyện để phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông đến từng khu phố, tổ dân phố, hộ gia đình, đến mọi thành phần dân cư trên địa bàn thành phố; vận động mọi người chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông và đội mũ bảo hiểm đúng quy chuẩn chất lượng, an toàn và có nguồn gốc rõ ràng khi tham gia giao thông.

- Phối hợp với các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, cơ quan Báo, Đài thành phố để xây dựng kế hoạch, nội dung và hình thức phù hợp làm cẩm nang để tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về luật giao thông (Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Đường sắt và các quy định về bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch...).

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động thành phố, Thành đoàn TNCS Hồ Chí Minh,

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện để tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông sâu sát đến các đối tượng là công nhân và sinh viên, học sinh.

- Phối hợp với Liên minh các Hợp tác xã thành phố, Sở Giao thông vận tải, các hiệp hội vận tải hàng hóa, hành khách, Hiệp hội taxi, Hợp tác xã xe buýt... để phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và các quy tắc về trật tự an toàn giao thông cho đối tượng là lái phụ xe, nhất là lái phụ các loại xe chở hàng quá khổ, quá tải, xe container, xe tải nặng...

d) Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố và Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu xây dựng, công bố các tiêu chí về “văn hóa giao thông”; có kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để phổ biến, hướng dẫn các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị thực hiện các tiêu chí “văn hóa giao thông” kết hợp chặt chẽ với các tiêu chí về “văn minh đô thị”, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của mọi người khi tham gia giao thông và ứng xử nơi công cộng.

đ) Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố và các cơ quan liên quan nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giảng dạy pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho học sinh các bậc học; có biện pháp tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các đoàn thể trong nhắc nhở, giáo dục giáo viên, sinh viên, học sinh tự giác chấp hành luật giao thông; trao đổi thông tin thống nhất với Công an thành phố (Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ - đường sắt) về tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông của sinh viên, học sinh, yêu cầu Ban giám hiệu các trường có hình thức kiểm điểm, xử lý răn đe đối với các trường hợp vi phạm; đưa việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông là tiêu chí đánh giá đạo đức, hạnh kiểm của sinh viên, học sinh cuối học kỳ, cuối năm học.

e) Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung chỉ đạo Ban An toàn giao thông quận - huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị, bộ phận chức năng, các đoàn thể tại địa phương thường xuyên phổ biến, giáo dục pháp luật giao thông cho đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động...; định kỳ hàng tháng kiểm tra, đánh giá kết quả, phê bình nhắc nhở những đơn vị, cá nhân còn để vi phạm. Lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục về pháp luật giao thông trong các buổi sinh hoạt định kỳ ở cơ quan, đơn vị, khu phố, tổ dân phố...; đề cao tính gương mẫu của cán bộ, công

chức, viên chức, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên, sinh viên, học sinh trong việc chấp hành và vận động gia đình, người thân chấp hành nghiêm pháp luật giao thông; đưa việc chấp hành pháp luật giao thông thành tiêu chí đánh giá, đề xuất thi đua, khen thưởng ở đơn vị.

g) Các cơ quan Báo, Đài phải đi đầu trong nhiệm vụ thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục về “văn hóa giao thông”, nêu gương “người tốt, việc tốt” thể hiện ý thức tự giác chấp hành luật giao thông, phát hiện và phê phán những biểu hiện chưa tốt để tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng.

4. Tăng cường tuần tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông; chấn chỉnh trật tự đô thị và lập lại trật tự lòng, lề đường:

a) Công an thành phố tổ chức lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ điều hòa, kiểm soát giao thông khép kín trong ngày và vào giờ cao điểm tại các giao lộ, các khu vực thường xảy ra tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, các cung đường “đen”, điểm “đen” về giao thông.

Tập trung tuần tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý nghiêm những vi phạm, nhất là các lỗi là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn giao thông, các lỗi gây phản cảm về văn hóa giao thông như tham gia giao thông sau khi đã uống rượu bia, tụ tập đua xe, điều khiển xe chở quá số người cho phép, đi vào đường ngược chiều, đường cấm, lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, không chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông, điều khiển phương tiện khi chưa đủ tuổi, không đội mũ bảo hiểm, đậu xe không đúng nơi quy định,... Thường xuyên kiểm tra, xử phạt theo quy định đối với người tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm hoặc sử dụng mũ không đúng quy cách an toàn. Xử lý nghiêm các trường hợp điều khiển lưu thông các loại xe ô tô đã quá niên hạn sử dụng, xe công nông, xe tự chế ba, bốn bánh; tăng cường sử dụng hệ thống camera để giám sát, phát hiện và xử phạt các phương tiện giao thông dừng, đỗ không đúng quy định tại khu vực trung tâm thành phố.

b) Sở Giao thông vận tải chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông phối hợp với Cảnh sát giao thông để tăng cường kiểm tra xử lý tình trạng xe “dù”, bên “cóc”; kiên quyết buộc giải tỏa các trường hợp kinh doanh buôn bán, dịch vụ lấn chiếm trái phép lòng đường, vỉa hè; xử lý nghiêm các trường hợp dừng, đậu xe dưới lòng đường không đúng quy định gây cản trở giao thông, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông; phối hợp với lực lượng chức năng ở quận - huyện để thống kê biển số đăng ký các xe tái phạm nhiều lần để có biện pháp xử lý thích hợp và thông báo đến doanh nghiệp, cơ quan chủ quản yêu cầu nhắc nhở, xử lý kỷ luật lái xe; riêng vi phạm nhiều

lần của các loại xe taxi thì thống kê biển số đăng ký, thông báo cho doanh nghiệp và xem xét xử lý thu hồi tem, phù hiệu taxi.

Tăng cường kiểm tra các công trường thi công có liên quan đến hạ tầng giao thông trên địa bàn; xử phạt nghiêm đối với các đơn vị chậm trễ tiến độ tái lập mặt đường hoặc tái lập không bảo đảm kỹ thuật, an toàn giao thông; đơn vị không cử người điều tiết, hướng dẫn giao thông khi tổ chức thi công, không lắp dựng đầy đủ biển báo hiệu về an toàn giao thông tại công trình theo quy định.

c) Sở Xây dựng chỉ đạo lực lượng Thanh tra Xây dựng tăng cường kiểm tra, xử phạt nghiêm đối với các chủ đầu tư công trình nhà cao tầng, trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng đưa vào sử dụng các bãi xe, chỗ đậu xe sử dụng không đúng chức năng quy định theo giấy phép; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận - huyện để điều tra thống kê toàn bộ diện tích bãi đậu xe, số chỗ đậu xe theo giấy phép xây dựng đối với các công trình nhà cao tầng, trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng, số chỗ đậu xe có hoặc không có thu phí trên các tuyến đường ở trung tâm thành phố để đề xuất phương án cân đối giải quyết nhu cầu dừng, đậu xe hiện nay, trình Ủy ban nhân dân thành phố trong quý II năm 2013.

Tăng cường chất lượng thẩm định thiết kế cơ sở và cấp giấy phép xây dựng các công trình nhà cao tầng, trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng; nội dung cấp phép xây dựng phải ghi rõ diện tích bãi đậu xe, số chỗ đậu xe theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tuyệt đối không tùy tiện chiết giảm các chỉ tiêu này theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Giao thông vận tải để nội dung, kết quả thẩm định phải bảo đảm phương án kết nối hợp lý với mạng lưới giao thông công cộng hiện hữu và có khoảng lùi kiến trúc phù hợp đối với từng công trình.

Tiếp tục chỉ đạo Tổ kiểm tra liên ngành, được thành lập theo Quyết định số 5912/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố, tăng cường kiểm tra xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý công trình hạ tầng đô thị.

d) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải khẩn trương nghiên cứu đề xuất phương án điều chỉnh các mức thu phí tạm dừng, đỗ xe ô tô (đã được ban hành theo Quyết định số 245/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 và Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố trong tháng 5 năm 2013.

đ) Giao Sở Công Thương chỉ đạo Chi Cục Quản lý thị trường thành phố tăng cường kiểm tra sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh mũ bảo hiểm theo quy định; xử lý

nghiêm các cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh mũ bảo hiểm không bảo đảm chất lượng, có nguồn gốc không rõ ràng, vì lợi nhuận làm ảnh hưởng mất an toàn cho người sử dụng.

e) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải và Công an thành phố tăng cường biện pháp quản lý chất lượng mũ bảo hiểm sử dụng cho người đi xe mô tô, xe gắn máy; quản lý chặt chẽ việc dán nhãn, tem chất lượng mũ bảo hiểm trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân kiêm Trưởng Ban An toàn giao thông các quận - huyện tiếp tục rà soát, kiên trì chỉ đạo thực hiện cho bằng được các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đăng ký, cam kết với Lãnh đạo thành phố về quản lý đô thị, trật tự lòng, lề đường từ đầu năm 2012; phát huy các mặt tích cực đã đạt được, đồng thời có giải pháp khắc phục, chấn chỉnh các nội dung còn tồn tại, yếu kém. Thường xuyên phối hợp với Sở Giao thông vận tải để tổ chức tuần tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đậu xe trái phép dưới lòng đường; kiểm tra phát hiện, xử lý tháo dỡ, điều chỉnh các biển báo giao thông sai quy định hoặc có nội dung không còn phù hợp.

Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp cá nhân, đơn vị thu phí trông giữ xe vượt mức giá quy định, công khai số điện thoại đường dây nóng của cơ quan chức năng xử lý vi phạm để người dân biết, liên hệ; tổ chức bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường tại các địa điểm trông giữ xe; kiên quyết không để trường hợp tự phát về điểm trông, giữ xe ô tô, xe máy ở địa bàn phụ trách.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiếp tục rà soát lại quỹ đất quy hoạch dành cho giao thông tĩnh trên địa bàn từng quận, huyện theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007, đồng thời lồng ghép quy hoạch giao thông vào quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị của các quận, huyện.

Trước mắt, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1 cải tiến công nghệ quản lý thu phí đỗ xe, triển khai thử nghiệm dịch vụ thanh toán phí đỗ xe qua ngân hàng hoặc điện thoại di động, để kịp thời giám sát thời gian đỗ xe nhằm hạn chế tiêu cực phát sinh trong quá trình thu phí; lắp đặt các camera quan sát để phục vụ công tác xử phạt các hành vi dừng, đỗ xe không đúng quy định. Chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, kiên quyết xử lý giải tỏa những điểm bày bán mũ bảo hiểm tràn lan trên lòng, lề đường gây cản trở giao thông và ảnh hưởng mỹ quan đô thị; chỉ đạo Ủy ban nhân dân

phường - xã, thị trấn thực hiện tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành đội mũ bảo hiểm đúng quy chuẩn chất lượng khi tham gia giao thông, không đội mang tính hình thức, đối phó việc kiểm tra của các lực lượng chức năng.

5. Bảo đảm chất lượng của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn:

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị trực thuộc hoàn thành đúng tiến độ các công trình khắc phục, duy tu, sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật, bổ sung lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu giao thông, phục hồi các vạch sơn đường... bảo đảm hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ giao thông thông suốt, bình thường trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục khảo sát, tổ chức lại giao thông tại các giao lộ thường xuyên bị ùn ứ giao thông, ưu tiên bố trí làn xe rẽ phải liên tục tại các giao lộ để tăng năng lực thông xe; kiểm tra, lắp đặt bổ sung các biển báo cấm dừng, đậu xe tại các khu vực, địa điểm tập trung đông người (nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, trường học...) vào các giờ cao điểm, phòng tránh ùn tắc giao thông trên các tuyến đường chính.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến (GPS, Smartcard...) trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng lưới giao thông công cộng thành phố; mở rộng hợp đồng đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân đi học, đi làm bằng xe buýt, hạn chế xe cá nhân tham gia giao thông.

Tăng cường công tác quản lý thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố; đảm bảo tính đồng bộ trong công tác thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp thoát nước, điện lực, viễn thông...); chấn chỉnh công tác thi công đào và tái lập mặt đường;

Tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công - hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình giao thông trọng điểm, các cầu vượt lắp ghép khắc phục ùn tắc giao thông tại các nút giao thông trọng điểm trên địa bàn.

6. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc thành phố có trách nhiệm thực hiện nghiêm Chỉ thị này đạt hiệu quả cao nhất nhằm tích cực góp phần kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố, đồng gửi về Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố để theo dõi, tổng hợp.

b) Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố là cơ quan đầu mối, kiểm tra theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị này, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có); định kỳ hàng tháng, quý tổng hợp báo cáo, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và phê bình, xử lý kỷ luật đối với các đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thi hành nhiệm vụ được giao./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 01 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 20 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 58/TTr-TP ngày 01 tháng 4 năm 2013 về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ 06 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành (Đính kèm danh mục).

Lý do: Đã hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**DANH MỤC 06 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỊ BÃI BỎ DO ĐÃ HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

STT	Hình thức	Số, ký hiệu văn bản Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
01	Chỉ thị	04/2011/CT-UBND Ngày 16/9/2011	CT về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2011-2012 tại huyện Cần Giờ.
02	//	05/2011/CT-UBND Ngày 24/11/2011	CT về tổ chức đón Tết Nhâm Thìn năm 2012.
03	//	06/2011/CT-UBND Ngày 15/12/2011	CT về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2012.
04	//	01/2012/CT-UBND Ngày 12/01/2012	CT về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện năm 2012.
05	//	02/2012/CT-UBND Ngày 20/3/2012	CT về phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2012.
06	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND Ngày 12/01/2012	QĐ về ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện năm 2012.

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1352/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Về thành lập Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hợp nhất Sở Thể dục thể thao, Sở Du lịch với Sở Văn hóa và Thông tin thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 7231/TTr-SVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 135/TTr-SNV ngày 01 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh) trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên cơ sở hợp nhất Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao (được thành lập theo Quyết định số 303/QĐ/UB/TC ngày 18 tháng 4 năm 1977

của Ủy ban nhân dân thành phố), Trung tâm Đào tạo Vận động viên Võ thuật thành phố (được thành lập theo Quyết định số 2037/QĐ-UB ngày 10 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố), Câu lạc bộ Thể thao Phú Thọ (được thành lập theo Quyết định số 8406/QĐ-UB-VX ngày 14 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Tên giao dịch quốc tế: Ho Chi Minh City Sports Center

Tên viết tắt: HSC

Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định.

Trụ sở Trung tâm đặt tại: số 02 - 04 đường Lê Đại Hành, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ:

1. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển thể dục thể thao, thể thao thành tích cao và các môn thể thao trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức các hoạt động sự kiện và thi đấu các giải thể thao cấp thành phố, quốc gia, quốc tế.

3. Quản lý đào tạo và tổ chức huấn luyện, thi đấu cho vận động viên thể thao của thành phố, kết hợp tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục toàn diện cho vận động viên.

4. Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức, huấn luyện viên, trọng tài và những người làm công tác thể dục thể thao.

5. Tổ chức nghiên cứu, thí nghiệm và ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực thể dục thể thao và các lĩnh vực khoa học có liên quan như y học, sinh lý học, sinh cơ học, sinh hóa học, tâm lý học, quản lý học; điều trị và hồi phục chấn thương thể thao.

6. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, tổ chức thực hiện công tác chăm sóc cho vận động viên theo quy định của Nhà nước.

7. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về thể dục thể thao theo quy định pháp luật, theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Tổ chức các dịch vụ theo đúng quy định pháp luật tạo nguồn thu phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

9. Quản lý tổ chức nhân sự, tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.

Điều 3. Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh do Giám đốc phụ trách và có một số Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

Điều 4. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm theo quy định pháp luật trình Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt.

Biên chế khung của Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân thành phố giao chung trong tổng số biên chế sự nghiệp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 303/QĐ/UB/TC ngày 18 tháng 4 năm 1977; Quyết định số 2037/QĐ-UB ngày 10 tháng 4 năm 2001; Quyết định số 8406/QĐ-UB-VX ngày 14 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố và các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Trung tâm Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1494/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020
và định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2231/SNN-QSEAP ngày 21 tháng 12 năm 2012, Công văn số 179/SNN-QSEAP ngày 30 tháng 01 năm 2013; Công văn số 406/SNN-QSEAP ngày 20 tháng 3 năm 2013 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”; ý kiến đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 1529/STC-ĐTSC ngày 20 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ nội dung Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” đã được phê duyệt, các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, Thủ trưởng các sở - ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY HOẠCH VÙNG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH
PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 2006 - 2011**

1. Về diện tích, năng suất, sản lượng rau giai đoạn 2006 - 2011:

Đến cuối năm 2011, thành phố có 102 xã, phường sản xuất rau với diện tích canh tác 3.024 ha, diện tích gieo trồng rau các loại là 13.915 ha, sản lượng đạt 307.811 tấn/năm; diện tích canh tác rau đủ điều kiện an toàn 2.892 ha và diện tích gieo trồng rau an toàn là 13.637 ha.

So với năm 2006: Diện tích canh tác tăng 999 ha tương đương 49,33%, diện tích gieo trồng tăng 4.680 ha tương đương 50,68%, sản lượng rau tăng 131.423 tấn/năm tương đương 74,51%; Diện tích canh tác rau an toàn tăng 1.180 ha tương đương 68,93%, diện tích gieo trồng rau an toàn tăng 4.864 ha tương đương 55,44%;

So với năm 2010: Diện tích canh tác tăng 150 ha tương đương 5,2%, diện tích gieo trồng tăng 915 ha tương đương 7%, sản lượng rau tăng 23.475 tấn/năm tương đương 8,25%; Diện tích canh tác rau an toàn tăng 157 ha tương đương 5,7%; Diện tích gieo trồng rau an toàn tăng 897 ha tương đương 7%;

Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2012, tổng số đơn vị sản xuất rau trên địa bàn thành phố đã được chứng nhận VietGAP là 182 tổ chức sản xuất, cá nhân (bao gồm xã viên của 4 Hợp tác xã: Hợp tác xã Phước An, Hợp tác xã Nhuận Đức, Hợp tác xã Ngã 3 Giồng, Hợp tác xã Thỏ Việt; Liên tổ rau Tân Phú Trung; 4 công ty và các nông hộ) với tổng diện tích 90,16 ha, sản lượng rau khoảng 11.450 tấn/năm.

2. Về cơ cấu chủng loại rau:

Kết quả điều tra tại các hộ sản xuất rau vùng rau tập trung của các quận, huyện cho thấy:

- Nhóm rau ăn lá ngắn ngày bao gồm các cây rau có thời gian sinh trưởng dưới 60 ngày như cải xanh, cải ngọt, cải trắng cải thìa, xà lách..., rau dền, mồng tơi, tần ô, rau đay, rau muống (hạt)... chiếm tỷ lệ 24,73%.

- Nhóm rau ăn củ quả ngắn ngày bao gồm những cây có thời gian sinh trưởng khoảng 4 tháng như đậu cove, đậu đũa, dưa leo, khổ qua, mướp, cải củ... chiếm tỷ lệ 25,55%.

- Nhóm rau ăn củ quả dài ngày bao gồm những cây rau có thời gian sinh trưởng trên 4 tháng như bầu, bí, cà các loại, ớt... chiếm tỷ lệ 12%.

- Rau muống nước chiếm 37,72%.

- Rau mầm: tiếp tục phát triển trên địa bàn các quận Bình Tân, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn với trên 40 hộ dân, cung cấp 200 - 300 kg/ngày.

3. Về chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Nhiều hoạt động nghiên cứu và chuyên giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn đã được ngành nông nghiệp triển khai và ứng dụng trong sản xuất có hiệu quả như: sử dụng giống lai F1 (rau ăn lá và ăn quả), chế phẩm BIMA chứa nấm đối kháng Trichoderma, phân bón vi sinh Azotobacterin, nghiên cứu nhân nuôi và sử dụng ong ký sinh trong phòng trị sâu hại, phòng trừ tuyến trùng hại rau; mô hình sử dụng giống lai F1, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”, khuyến cáo nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học... Năm 2011, diện tích sản xuất rau có sử dụng giống F1 đạt 75,3% diện tích, tỷ lệ hộ nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học trong sản xuất rau đạt 43,2%; tỷ lệ hộ nông dân vi phạm các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật còn 0,23%.

4. Về phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại:

Hiện nay toàn thành phố có 9 Hợp tác xã và 33 Tổ hợp tác sản xuất Rau an toàn, một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả cao như Hợp tác xã Phước An, Hợp tác xã Ngã Ba Giồng và Hợp tác xã Thổ Việt, Liên tổ Rau an toàn Tân Phú Trung. Bình quân mỗi Hợp tác xã có 68 xã viên và 412 triệu đồng vốn điều lệ.

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh rau an toàn tham gia hội chợ, triển lãm và ký kết các hợp đồng tiêu thụ rau, quả an toàn. Ngoài ra, còn thiết kế logo và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các Hợp tác xã rau an toàn; thiết kế được 33 website cho các Hợp tác xã và tổ chức sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

5. Đánh giá chung:

a) Mặt tích cực:

Diện tích gieo trồng rau năm 2006 là 9.235 ha đến năm 2011 là 13.915 ha đã tăng 4.680 ha tương đương 50,68 % là kết quả của việc thực hiện đồng bộ các giải pháp của chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Đã có nhiều mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng khoa học kỹ thuật như mô hình giống mới góp phần đa dạng hóa chủng loại rau của thành phố, mô hình cơ giới hóa góp phần giải quyết tình trạng thiếu lao động tại địa phương.

Hầu hết nông dân trồng rau trên địa bàn thành phố đã được tập huấn về tổ chức sản xuất rau an toàn theo quy định VietGAP. Công tác xúc tiến thương mại được thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

Tổ chức sản xuất rau an toàn theo quy định VietGAP đã nhận được sự quan tâm ủng hộ của các cấp, các ngành đặc biệt là sự tham gia tích cực của chính quyền các cơ sở và các hộ trồng rau trên địa bàn thành phố.

b) Mặt hạn chế:

Chưa xây dựng được vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn tập trung, sản xuất rau chưa ổn định do chịu ảnh hưởng của thời tiết bất thường, giá cả vật tư đầu vào biến động, giá thị trường không ổn định, thiếu lao động ở nông thôn. Hoạt động của một số hợp tác xã, tổ hợp tác chưa có hiệu quả cao.

Vẫn còn một số nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định của Nhà nước. Một số nông dân chưa thực hiện đầy đủ quy định sản xuất rau an toàn, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa theo đúng quy định của Nhà nước.

II. QUY HOẠCH VÙNG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Quy hoạch diện tích phát triển rau an toàn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

a) Diện tích quy hoạch sản xuất rau an toàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

- Năm 2015 diện tích canh tác rau an toàn thành phố là 3.467 ha. Diện tích gieo trồng 15.801 ha; năng suất 25 tấn/ha, sản lượng 390.760 tấn/năm;

- Năm 2020: diện tích canh tác rau an toàn thành phố là 3.677 ha. Diện tích gieo trồng 16.319 ha; năng suất 27 tấn/ha, sản lượng 437.612 tấn/năm;

- Năm 2025: diện tích canh tác rau an toàn thành phố là 3.817 ha, diện tích gieo trồng 17.103 ha; năng suất 28 tấn/ha, sản lượng 471.580 tấn/năm.

b) Địa bàn quy hoạch:

- Huyện Củ Chi: Năm 2015 diện tích canh tác rau an toàn là 2.602 ha; năm 2020 diện tích canh tác rau an toàn là 2.602 ha và định hướng đến năm 2025 diện tích canh tác rau an toàn là 2.602 ha. Cụ thể tại các xã Nhuận Đức, Bình Mỹ, Trung Lập Thượng, Trung Lập Hạ, Phước Thạnh, Thái Mỹ, Tân Thông Hội, Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An, Tân Thạnh Đông;

- Huyện Bình Chánh: Năm 2015 diện tích canh tác rau an toàn là 685 ha; năm 2020 diện tích canh tác rau an toàn là 875 ha; định hướng năm 2025 diện tích canh tác rau an toàn là 1.000 ha. Cụ thể tại các xã Tân Nhựt, Hưng Long, Bình Lợi, Tân Quý Tây, Quy Đức;

- Huyện Hóc Môn: Năm 2015 diện tích canh tác rau an toàn là 180 ha; năm 2020 diện tích canh tác rau an toàn là 200 ha; định hướng năm 2025 diện tích canh tác rau an toàn là 215 ha. Cụ thể tại các xã Xuân Thới Sơn, Thới Tam Thôn, Nhì Bình;

(Đính kèm Phụ biểu số 01 về diện tích vùng sản xuất rau an toàn theo huyện, xã).

c) Cơ cấu chủng loại rau đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

- Chủng loại rau ăn lá ngắn ngày: bao gồm những cây rau có thời gian sinh trưởng dưới 60 ngày như cải xanh, cải ngọt, cải trắng, cải thìa, xà lách, rau dền, mồng tơi, tần ô, rau đay... năm 2020 bố trí 2.495 ha chiếm khoảng 15% diện tích rau toàn thành phố.

- Chủng loại rau ăn củ, quả ngắn ngày: bao gồm những cây rau có thời gian sinh trưởng khoảng 4 tháng như đậu co ve, đậu đũa, dưa leo, khổ qua, mướp, cải củ... bố trí diện tích 6.652 ha chiếm khoảng 40% diện tích rau toàn thành phố.

- Chủng loại rau ăn củ, quả dài ngày bao gồm những cây rau có thời gian sinh trưởng trên 4 tháng như bầu bí, các loại ớt... bố trí 4.156 ha chiếm khoảng 25% diện tích rau toàn thành phố.

- Chủng loại rau thủy sinh (rau muống nước) bố trí 1.663 ha chiếm khoảng 10% diện tích).

- Nhóm rau khác bố trí 1.663 ha chiếm khoảng 10% diện tích rau toàn thành phố.

2. Quy hoạch hệ thống dịch vụ sản xuất rau an toàn:

a) Dịch vụ giống:

- Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo và cung ứng giống rau mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh và phù hợp với thị trường. Hàng năm chuyển giao 4 - 5 giống rau mới chất lượng cao, phục vụ cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng đô thị của thành phố. Phục tráng các giống rau địa phương có giá trị cao. Khuyến khích đầu tư mới và nâng cấp những cơ sở giống hiện có để đáp ứng nhu cầu cung cấp giống trên địa bàn thành phố, khu vực và xuất khẩu.

- Duy trì và mở rộng diện tích sản xuất giống hiện hữu, ưu tiên áp dụng công nghệ cao, kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Phát triển vùng sản xuất giống chất lượng cao, xây dựng các trang trại, cơ sở sản xuất giống tập trung để đáp ứng cho nhu cầu giống của thành phố và các tỉnh.

b) Dịch vụ về thuốc bảo vệ thực vật:

- Đảm bảo các điểm cung ứng có thuốc bảo vệ thực vật ít độc hại, có hiệu quả phòng trừ cao nằm trong danh mục được phép sử dụng trên cây rau, nhất là các loại thuốc có nguồn gốc sinh học ở các vùng sản xuất rau tập trung.

- Điểm cung ứng: 1 xã có 1 - 2 điểm cung ứng, có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, địa điểm kinh doanh phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra các địa điểm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật về điều kiện hành nghề, danh mục thuốc, số lượng, chất lượng thuốc.

c) Dịch vụ về phân bón và các vật tư nông nghiệp khác:

Kết hợp bố trí cùng với các điểm cung ứng dịch vụ cùng với các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật.

3. Quy hoạch cơ sở hạ tầng:

a) Hệ thống thủy lợi:

Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020, đến năm 2015 có 100% hệ thống tưới tiêu cung cấp đủ nước tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp (trong đó có diện tích rau). Đối với vùng sản xuất Rau an toàn tập trung cần đầu tư thêm hệ thống bể lắng lọc và đường ống dẫn khép kín thuận lợi cho việc

áp dụng các công nghệ sản xuất, mở rộng diện tích sản xuất rau có hệ thống tưới tự động theo kiểu phun mù hay phun sương, phù hợp đối với các diện tích rau ăn lá và diện tích ươm cây giống.

b) Hệ thống giao thông:

Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020, đến năm 2015 hoàn thiện mạng lưới giao thông liên suốt nội liên huyện, xã, ấp; có 100% đường giao thông từ trung tâm xã về đến các ấp được tráng nhựa hay bê tông nhựa nóng; đường giao thông trục ấp được cứng hóa; hệ thống giao thông nội đồng được nâng cấp đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Đối với hệ thống giao thông trên vùng rau tập trung cần bổ sung các chỉ tiêu để phù hợp với Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 như sau:

- Đường giao thông nối từ trục giao thông chính tới vùng sản xuất: có mặt đường rộng tối thiểu 3,5m là đường cấp phối trở lên;
- Đường trục chính của vùng có mặt đường rộng 2,5m, đường nhánh có mặt đường rộng 1,5m;

c) Nhà sơ chế và bể chứa chất thải vật tư nông nghiệp:

- Xây dựng nhà sơ chế ở các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, bố trí mỗi vùng rau an toàn có 01 nhà sơ chế. Trước mắt xây dựng tại 6 mô hình sản xuất chế biến, tiêu thụ rau an toàn.

- Bể chứa chất thải vật tư nông nghiệp: Số lượng bể cần thiết 2 - 3 cái/ha tại vùng sản xuất rau an toàn tập trung.

4. Các dự án ưu tiên:

a) Các dự án, đề án đã được bố trí theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 gồm:

- Dự án phục tráng một số giống rau địa phương; thử nghiệm và chuyển giao các giống rau có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất;

- Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất rau an toàn phù hợp sản xuất nông nghiệp đô thị;

- Dự án nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch;

- Đề án phát triển sản xuất rau an toàn tại các xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố;

- Chương trình tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả trên địa bàn thành phố;

- Chương trình sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất Rau an toàn;

- Đề án xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu Rau an toàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các tiểu dự án nằm trong Dự án “Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và Phát triển chương trình khí sinh học” sử dụng nguồn vốn vay ODA do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ:

- Mô hình Rau an toàn xã Nhuận Đức - huyện Củ Chi (quy mô 31 ha);

- Mô hình Rau an toàn ấp Lò Táo Trung xã Trung Lập Hạ - huyện Củ Chi (quy mô 20 ha);

- Mô hình Rau an toàn ấp Bàu Điều Thượng xã Phước Thạnh - huyện Củ Chi (quy mô 20 ha);

- Mô hình Rau an toàn xã Bình Mỹ - huyện Củ Chi (quy mô 20 ha);

- Mô hình Rau an toàn ấp Phước Hưng xã Phước Thạnh - huyện Củ Chi (quy mô 45 ha);

- Mô hình Rau an toàn Hợp tác xã Phước An (quy mô 20 ha)

5. Giải pháp phát triển rau an toàn:

a) Chính sách về hỗ trợ đầu tư và khuyến khích sản xuất:

- Triển khai thực hiện theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông lâm nghiệp và thủy sản;

- Áp dụng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Áp dụng chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất rau an toàn theo Nghị định số 02/2010/NĐ - CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất rau an toàn theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tổ chức sản xuất:

- Thành lập và củng cố các liên kết, hợp tác sản xuất - tiêu thụ rau an toàn giữa các cá nhân, tổ chức trồng rau với các doanh nghiệp: Đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong sản xuất như tổ hợp tác, hợp tác xã và phân phối tiêu thụ rau an toàn như các thương nhân, chủ vựa rau, chợ đầu mối; Kiện toàn cơ chế sản xuất theo hình thức ký kết hợp đồng nhằm tạo hành lang pháp lý cho liên kết giữa doanh nghiệp phân phối và tiêu thụ rau với người trồng rau an toàn; Tăng cường liên kết giữa người trồng rau với các doanh nghiệp, công ty chuyên ngành cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Tăng cường hợp tác giữa cá nhân, tổ chức trồng rau an toàn với các nhà khoa học về giống rau và kỹ thuật canh tác nhằm đẩy nhanh việc ứng dụng các giống rau mới, kỹ thuật, khoa học công nghệ mới vào trong sản xuất rau trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ, hướng dẫn hệ thống thương nhân thu mua rau về điều kiện kinh doanh rau an toàn, tạo điều kiện để liên kết thương nhân với các hợp tác xã sản xuất rau an toàn.

- Vận động tuyên truyền tạo ý thức sử dụng rau an toàn cho người tiêu dùng vì sức khỏe cộng đồng thông qua các phương tiện truyền thông.

c) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ:

- Giống rau: Chọn tạo giống rau mới có năng suất cao, phẩm chất tốt, kháng sâu bệnh, sưu tập, bảo tồn, phục tráng các giống địa phương, cung ứng đủ giống rau có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho nhu cầu phát triển diện tích rau của thành phố.

- Chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ: Ứng dụng cơ giới hóa phù hợp với sản xuất rau của thành phố, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật hiệu quả cao: nhà lưới, phủ bạt, chà cắm, khay gieo hạt, ứng dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất rau như phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

d) Giải pháp về xúc tiến thương mại:

- Tập trung các giải pháp để cải thiện nâng cao hiệu quả các kênh phân phối đã hình thành, tăng sản lượng rau quả của các hợp tác xã, tổ hợp tác tiêu thụ tại các siêu thị.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh rau an toàn tham gia hội chợ, triển lãm và ký kết các hợp đồng

tiêu thụ rau, quả an toàn. Ngoài ra, còn thiết kế logo và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các Hợp tác xã rau an toàn; thiết kế được 33 website cho các Hợp tác xã và tổ chức sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

6. Vốn đầu tư:

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông lâm nghiệp và thủy sản. Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 như sau:

a) Tổng vốn đầu tư dự kiến: 447.659 triệu đồng,

Bao gồm các nội dung đầu tư như sau:

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung (quy hoạch vùng rau an toàn): 1.500 triệu đồng;

- Đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước, nhà lưới... của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP: 346.650 triệu đồng;

- Đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP: 14.020 triệu đồng;

- Tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm rau được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP): 8.989 triệu đồng;

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): 37.000 triệu đồng;

- Ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch: 8.000 triệu đồng;

- Kiểm tra, giám sát chất lượng rau trên địa bàn thành phố: 13.500 triệu đồng;

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn: 4.000 triệu đồng

- Hoạt động xúc tiến thương mại: 14.000 triệu đồng

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự kiến **447.659 triệu đồng** trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: **269.584 triệu đồng**, gồm:

+ Đã bố trí theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND: 32.500 triệu đồng,

+ Đã bố trí trong dự án QSEAP-BPD: 69.820 triệu đồng,

+ Vốn ngân sách cấp bổ sung: **167.264 triệu đồng**.

- Nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất: 178.075 triệu đồng.

c) Phân kỳ vốn đầu tư:

- Giai đoạn 2012 - 2015 dự kiến: 102.320 triệu đồng

- Giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến: 345.339 triệu đồng

(Đính kèm các Phụ biểu 02 về Tổng vốn đầu tư cho Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện “Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” và xác định các vùng trồng rau tập trung đồng thời xác định các hạng mục đầu tư.

- Phối hợp cùng các sở ngành hướng dẫn các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn triển khai biện pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn.

- Phối hợp với các sở ngành và các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Dự án “Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và Phát triển chương trình khí sinh học” (QSEAP-BPD) và tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành sớm 6 mô hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau an toàn tại các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh.

- Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tiến độ thực hiện quy hoạch.

2. Trách nhiệm các Sở, ban, ngành thành phố:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn gắn quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp khi lập quy hoạch các xã nông thôn mới.

- Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng được Ủy ban nhân dân thành phố giao, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất ở các vùng quy hoạch sản xuất rau an toàn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thủ tục đầu tư và thẩm định các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn tập trung, các cơ sở sơ chế, chế biến, chợ đầu mối rau an toàn; cân đối, bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố.

- Sở Tài chính căn cứ vào các chương trình, dự án cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt để cân đối, bố trí kinh phí trình Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ thực hiện hàng năm.

3. Trách nhiệm của các quận, huyện:

- Các huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn: Tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất rau an toàn; Hướng dẫn các xã gắn quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp trong quá trình lập quy hoạch xã nông thôn mới; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn và tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định cụ thể vùng sản xuất rau an toàn tập trung đồng thời đề xuất các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng để phục vụ vùng sản xuất rau an toàn tập trung và đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng 6 mô hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau an toàn theo dự án QSEAP-BPD;

- Các quận, huyện có kế hoạch chuyển đổi các diện tích đất không đảm bảo điều kiện sản xuất rau an toàn sang các loại cây trồng vật nuôi khác đồng thời xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh tiêu thụ rau an toàn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1532/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2983/TTr-SCT ngày 26 tháng 3 năm 2013 về Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn thành phố năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014 (kèm theo Quyết định).

Điều 2. Giao Sở Công Thương là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm triển

khai thực hiện kế hoạch, định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Chi Cục trưởng Chi Cục Quản lý thị trường thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng
 lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
 năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1532/QĐ-UBND
 ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ; Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2013; nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, cân đối cung cầu, ổn định giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn thành phố, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành “Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn thành phố năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014” như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố năm 2013 và Tết Giáp Ngọ năm 2014 gắn với thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Hàng hóa trong Chương trình phải đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có khả năng cân đối cung cầu, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng cho người dân thành phố kể cả trong trường hợp xảy ra biến động thị trường.

- Giá bán của các sản phẩm trong Chương trình phải đảm bảo thấp hơn giá bán của các sản phẩm cùng chủng loại, chất lượng trên thị trường ít nhất từ 5% đến 10% trong suốt thời gian thực hiện Chương trình.

- Tăng cường ứng dụng tiên bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, tăng thêm sản phẩm mới, phục vụ tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của người dân thành phố.

- Phát triển, đa dạng hóa hệ thống phân phối nhằm đảm bảo hàng hóa trong Chương trình đến tay người tiêu dùng một cách thuận lợi, nhanh chóng, trực tiếp; tập trung phát triển tại các quận ven, huyện ngoại thành, khu chế xuất - khu công nghiệp, các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Các nhóm hàng hóa và lượng hàng tham gia Chương trình:

1.1. Mặt hàng tham gia bình ổn thị trường:

Các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu phục vụ bình ổn thị trường trên địa bàn thành phố gồm 09 nhóm hàng: lương thực (gạo), đường (RE và RS), dầu ăn, thịt gia súc, thịt gia cầm, trứng gia cầm, thực phẩm chế biến, rau củ quả và thủy hải sản (chế biến và tươi sống). Trong chủng loại hàng hóa bổ sung nhóm lương thực (gạo thường, gạo Jasmine, gạo thơm) có mì gói, bún khô, hủ tíu Nam Vang ăn liền, bột canh - đây là những mặt hàng phục vụ bữa ăn cho công nhân và người lao động.

1.2. Số lượng hàng hóa:

- *Số lượng hàng hóa tham gia bình ổn thị trường năm 2013 (tháng thường)* chiếm 25% - 30% nhu cầu thị trường, tăng 10% đến 80% so kế hoạch năm 2012, cụ thể:

+ Gạo:	6.111 tấn/tháng.	+ Trứng gia cầm:	27.6 triệu quả/tháng.
+ Đường re, rs:	2.741 tấn/tháng.	+ Thực phẩm chế biến:	1.396 tấn/tháng.
+ Dầu ăn:	1.278 tấn/tháng.	+ Rau củ quả:	2.261 tấn/tháng.
+ Thịt heo:	4.280 tấn/tháng.	+ Thủy hải sản:	460 tấn/tháng.
+ Thịt gia cầm:	5.660 tấn/tháng.	<i>(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)</i>	

- *Số lượng hàng hóa tham gia bình ổn thị trường Tết Giáp Ngọ - năm 2014* chiếm 30% đến 40% nhu cầu thị trường, tăng 3% đến 67% so với kế hoạch giao Tết Quý Tỵ năm 2013, cụ thể:

+ Gạo:	5.564 tấn/tháng.	+ Trứng gia cầm:	34.9 triệu quả/tháng.
+ Đường re, rs:	3.505 tấn/tháng.	+ Thực phẩm chế biến:	2.266 tấn/tháng.
+ Dầu ăn:	1.793 tấn/tháng.	+ Rau củ quả:	4.472 tấn/tháng.
+ Thịt heo:	4.830 tấn/tháng.	+ Thủy hải sản:	557 tấn/tháng.
+ Thịt gia cầm:	5.940 tấn/tháng.	<i>(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)</i>	

2. Đối tượng và điều kiện tham gia Chương trình:

2.1. Đối tượng tham gia Chương trình:

- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, có trụ sở hoặc chi nhánh văn phòng tại thành phố, có chức năng sản xuất, kinh doanh mặt hàng lương thực, thực phẩm.

- Các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, tham gia vào Chương trình thực hiện đăng ký hạn mức tín dụng và mức lãi suất phù hợp cho Doanh nghiệp trong Chương trình vay vốn sản xuất kinh doanh, dự trữ hàng hóa cung ứng thị trường.

2.2. Điều kiện tham gia Chương trình:**a) Đối với Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh:**

- Có chức năng sản xuất, kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm phù hợp với các mặt hàng tham gia Chương trình; có uy tín, năng lực, kinh nghiệm sản xuất - kinh doanh các mặt hàng thuộc Chương trình; có lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường với số lượng lớn, ổn định và xuyên suốt trong thời gian thực hiện Chương trình.

- Có kế hoạch sản xuất, kinh doanh tạo nguồn hàng và năng lực tài chính lành mạnh.

- Có hệ thống nhà xưởng, kho bãi, trang thiết bị, công nghệ sản xuất hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng; có phương tiện vận chuyển hàng hóa phục vụ phân phối và bán hàng lưu động theo yêu cầu của Chương trình.

- Cam kết cung ứng hàng hóa tham gia Chương trình đúng chủng loại, đủ số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, niêm yết và bán đúng giá đăng ký đã được Sở Tài chính thẩm định và phê duyệt.

- Có ít nhất 12 điểm bán hàng (siêu thị, cửa hàng tiện lợi...) và hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố. Doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký danh sách - địa chỉ các điểm bán hàng bình ổn thị trường và kế hoạch phát triển hệ thống phân phối trong thời gian thực hiện Chương trình, kèm theo hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình.

- Ưu tiên xét chọn những doanh nghiệp đã tham gia và thực hiện tốt các quy định của Chương trình Bình ổn thị trường mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn thành phố trong những năm qua.

b) Đối với các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình:

- Có đăng ký hạn mức tín dụng, mức lãi suất cho vay và các sản phẩm dịch vụ khác (nếu có) ưu tiên dành cho các Doanh nghiệp tham gia Chương trình.

- Có phương án cho vay, quy trình thẩm định cụ thể... tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh chóng thủ tục vay vốn và đảm bảo giải ngân kịp thời cho Doanh nghiệp tham gia Chương trình.

- Thực hiện các chương trình hỗ trợ cho Doanh nghiệp theo đúng nội dung ký kết với Sở Công Thương và các quy định tham gia Chương trình Bình ổn thị trường năm 2013.

3. Nguồn vốn thực hiện:

Doanh nghiệp tham gia Chương trình có nhu cầu vay vốn trung và dài hạn sẽ thực hiện vay vốn tại các tổ chức tín dụng có đăng ký tham gia Chương trình với hạn mức tín dụng và lãi suất hợp lý do các tổ chức tín dụng đăng ký với Chương trình.

4. Quyền lợi và nghĩa vụ của các Doanh nghiệp tham gia Chương trình:

4.1. Quyền lợi:

- Được hỗ trợ vay vốn trung và dài hạn thông qua các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình với mức lãi suất ưu đãi và hạn mức vay phù hợp với dự án đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ... nhằm phục vụ sản xuất hàng hóa tham gia bình ổn thị trường.

- Được hỗ trợ lãi vay khi Doanh nghiệp tham gia Chương trình có dự án đầu tư đúng đối tượng theo quy định tại Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Được hỗ trợ truyền thông, quảng bá đối với các sản phẩm và các điểm bán của đơn vị tham gia Chương trình.

- Được các cơ quan chức năng giới thiệu đưa các mặt hàng lương thực, thực phẩm tham gia bình ổn thị trường vào các hệ thống phân phối hiện hữu của Chương trình, chợ truyền thống, căn-tin trong trường học, các bếp ăn tập thể tại các khu chế xuất - khu công nghiệp...

4.2. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đăng ký mã số, chủng loại, số lượng, chất lượng sản phẩm tham gia Chương trình.

- Tổ chức sản xuất - kinh doanh theo đúng kế hoạch sản xuất, kinh doanh tạo nguồn hàng đã đăng ký, đảm bảo hàng hóa tham gia Chương trình đạt số lượng, chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng kế hoạch chuẩn bị nguồn nguyên liệu, sản xuất, dự trữ hàng hóa đầy

đủ, ổn định để cung ứng và giữ ổn định giá bán trong thời gian 02 tháng trước và sau Tết Nguyên đán Giáp Ngọ 2014.

- Chấp hành điều động cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu tham gia Chương trình để điều tiết, bình ổn thị trường theo yêu cầu của Sở Công Thương, khi có xảy ra biến động thị trường.

- Có kế hoạch phát triển, gia tăng điểm bán bình ổn thị trường trong quá trình thực hiện Chương trình; chú trọng phát triển tại các khu chế xuất - khu công nghiệp, các quận ven - huyện ngoại thành, chợ truyền thống, các bếp ăn tập thể, khu lưu trú công nhân, trường học, bệnh viện.

- Thực hiện đúng các cam kết và các quy định của Chương trình Bình ổn thị trường theo kế hoạch này, thông tin công khai các điểm phân phối, bán hàng bình ổn thị trường, treo băng-rôn, bảng hiệu, niêm yết bảng giá theo đúng quy cách hướng dẫn của Sở Công Thương và bán đúng giá quy định đã đăng ký; bố trí hàng hóa ở các vị trí thuận tiện, riêng biệt để người tiêu dùng dễ nhìn, dễ nhận biết và mua sắm.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả vốn vay và lãi vay đúng quy định theo hợp đồng đã ký kết với các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình; trường hợp Doanh nghiệp sử dụng vốn vay không đúng mục đích, không thực hiện đúng cam kết về cung ứng lượng hàng theo kế hoạch, đơn vị phải hoàn trả toàn bộ phần vốn vay và chịu phạt lãi suất theo quy định hiện hành.

- Trong thời gian tham gia Chương trình, trường hợp có sự thay đổi về vốn điều lệ, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính, Sở Công Thương và tổ chức tín dụng thực hiện cho vay trước 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ xin thay đổi.

5. Cơ chế thực hiện Chương trình:

- Thời gian thực hiện Chương trình: 12 tháng, từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014.

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình: trong trường hợp có nhu cầu vay vốn trung và dài hạn, doanh nghiệp có thể vay tại các tổ chức tín dụng đăng ký tham gia Chương trình Bình ổn thị trường. Doanh nghiệp vay vốn phải thực hiện các biện pháp đảm bảo nợ vay theo quy định. Hạn mức, lãi suất và lịch trả nợ vay cụ thể sẽ do các tổ chức tín dụng và Doanh nghiệp thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn.

- Doanh nghiệp vay vốn và giải ngân theo hướng dẫn cụ thể về quy trình thủ tục của các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình.

- Giá bán hàng hóa: là giá do đơn vị tham gia Chương trình xây dựng và thực hiện đăng ký với Sở Tài chính theo nguyên tắc xác định đầy đủ, chính xác cơ cấu tính

giá theo các yếu tố hình thành giá và phải thấp hơn giá thị trường của sản phẩm cùng quy cách, chủng loại, chất lượng tại thời điểm đăng ký giá ít nhất từ 5% đến 10%. Trường hợp thị trường biến động tăng hoặc giảm đối với giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào làm ảnh hưởng đến cơ cấu giá thành sản xuất, doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh giá bán bình ổn thị trường như sau:

- Trường hợp giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào biến động tăng từ 5% đến 10% so thời điểm doanh nghiệp đăng ký giá bán bình ổn thị trường, các đơn vị thực hiện đăng ký lại giá bán và phải được Sở Tài chính thẩm định, chấp thuận bằng văn bản.

- Trường hợp thị trường biến động giảm giá từ 5% trở lên, doanh nghiệp phải đăng ký điều chỉnh giảm giá bán tương ứng. Doanh nghiệp chủ động điều chỉnh giảm giá bán khi thị trường giảm và gửi thông báo về Sở Tài chính.

- Giá thị trường là giá do Cục Thống kê công bố tại thời điểm doanh nghiệp đăng ký giá và tham khảo từ mạng lưới thông báo giá của Sở Tài chính.

- Trường hợp thị trường có biến động ảo do có hiện tượng làm giá, tạo khan hiếm giả tạo làm biến động thị trường, Doanh nghiệp phải chấp hành việc cung ứng hàng hóa theo sự điều phối của Sở Công Thương.

- Các hệ thống phân phối khi tham gia bán hàng bình ổn thị trường phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp tham gia Chương trình đưa hàng vào hệ thống với mức chiết khấu ưu đãi và thực hiện chia sẻ chiết khấu và các chi phí khác với Doanh nghiệp khi có biến động thị trường.

- Khuyến khích các Doanh nghiệp tham gia Chương trình tập trung đầu tư, phát triển siêu thị, cửa hàng tiện lợi; đẩy mạnh việc phát triển, đồng thời nâng chất lượng hoạt động, tăng thêm lượng hàng hóa cho cửa hàng liên kết Thanh niên, Hội liên hiệp Phụ nữ, ưu tiên phát triển tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, các quận ven - huyện ngoại thành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương:

- Là cơ quan thường trực của Chương trình, có trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân thành phố, cùng Tổ Công tác tham mưu và tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp các sở - ngành trong Tổ Công tác thực hiện Chương trình, theo dõi nắm chắc diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa, xác định các mặt hàng

lượng thực, thực phẩm thiết yếu, khuyến khích Doanh nghiệp đăng ký bổ sung đưa vào Chương trình; xây dựng tiêu chí lựa chọn Doanh nghiệp, công khai thông tin đăng ký tham gia Chương trình đến doanh nghiệp; vận động tham gia; tiếp nhận, hướng dẫn thủ tục và xét chọn các đơn vị đủ điều kiện để tham gia Chương trình.

- Phối hợp các sở - ngành chức năng, xác định lượng hàng giao bình ổn thị trường, kiểm tra lượng hàng bán ra của các Doanh nghiệp theo chỉ tiêu kế hoạch đã giao; triển khai Chương trình theo đúng tiến độ và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của Doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp sở - ngành chức năng, Ủy ban nhân dân quận - huyện, thực hiện kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị nguồn hàng, cung ứng hàng hóa phục vụ bình ổn thị trường, xử lý vi phạm (nếu có).

- Tham mưu Thành phố thực hiện có hiệu quả Chương trình Hợp tác thương mại với các tỉnh, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp liên kết đầu tư sản xuất - kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối, tạo nguồn hàng hóa cung ứng dồi dào, ổn định và bảo đảm khả năng chi phối dẫn dắt thị trường.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về Chương trình Bình ổn thị trường và tình hình cung cầu hàng hóa đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

- Kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc của đơn vị, tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp giải quyết.

- Theo dõi, đánh giá và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng các cá nhân, tập thể tham gia tốt Chương trình Bình ổn thị trường.

- Phối hợp Báo Sài Gòn Giải phóng thực hiện chuyên trang quảng bá về Chương trình Bình ổn thị trường, chịu trách nhiệm đưa tin, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ xây dựng thương hiệu Doanh nghiệp tham gia Chương trình.

2. Sở Tài chính:

- Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá của doanh nghiệp tham gia Chương trình. Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định giá đăng ký, phê duyệt và công bố giá bán bình ổn thị trường của Doanh nghiệp, đảm bảo giá phê duyệt phải thấp hơn so với giá thị trường ít nhất từ 5% đến 10%.

- Chủ trì, kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, điều chỉnh kịp thời giá của Doanh nghiệp tham gia Chương trình.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến giá cả thị trường của các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu; tổ chức kiểm tra trong các trường hợp biến động giá (nếu có); tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý.

3. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức tín dụng tham gia Chương trình thực hiện việc cho vay vốn theo đúng cam kết với Sở Công Thương.

4. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao:

- Tạo điều kiện bố trí các địa điểm phù hợp để tổ chức bán hàng lưu động tại các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao, trường học, bệnh viện trên địa bàn; đăng ký danh sách địa điểm, thời gian, quy mô tổ chức và các yêu cầu khác (nếu có) gửi về Sở Công Thương trong tháng 4 năm 2013 để tổng hợp lập kế hoạch bán hàng lưu động năm 2013 và Tết Giáp Ngọ 2014.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các doanh nghiệp tham gia Chương trình đưa sản phẩm vào các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao, bệnh viện, trường học trên địa bàn thành phố phục vụ học sinh, công nhân, người lao động.

- Sắp xếp, bố trí các địa điểm và tạo điều kiện thuận lợi để Doanh nghiệp bình ổn thị trường thực hiện đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán hàng bình ổn thị trường tại các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao trên địa bàn thành phố.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan truyền thông, báo, đài và cơ quan chức năng để đưa tin, phát sóng về các nội dung liên quan đến Chương trình Bình ổn thị trường; Đồng thời, chấn chỉnh, xử lý việc đưa thông tin không chính xác, sai lệch, làm ảnh hưởng đến Chương trình.

- Cập nhật, tổng hợp và đưa tin về Chương trình Bình ổn thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Doanh nghiệp trong Chương trình trên cổng thông tin điện tử.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch phát triển đàn

giống gia súc, gia cầm đạt chuẩn và phát triển chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm an toàn tham gia bình ổn thị trường.

- Giới thiệu các doanh nghiệp, đơn vị, Hợp tác xã chăn nuôi, sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, có nguồn hàng ổn định, tham gia hoặc cung ứng các sản phẩm nông nghiệp sạch vào thực hiện bình ổn thị trường.

- Định hướng tạo điều kiện liên kết giữa các Doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường trong việc đầu tư phát triển chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm (con giống, thức ăn, chăn nuôi, giết mổ, chế biến...).

- Hướng dẫn các Doanh nghiệp tham gia Chương trình xây dựng các phương án, dự án đầu tư theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015; phối hợp sở - ngành liên quan thẩm định dự án phát triển chăn nuôi, đầu tư chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp các sở - ngành chức năng theo dõi tiến độ thực hiện và hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện các dự án trong các Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội đã ký kết giữa Thành phố và các tỉnh, thành khác.

- Phối hợp Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố hướng dẫn, hỗ trợ Doanh nghiệp trong Chương trình tham gia thực hiện Chương trình kích cầu theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hướng dẫn Doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký phát triển mạng lưới kinh doanh theo các quy định hiện hành.

8. Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện thủ tục và cấp giấy phép lưu thông vào giờ cao điểm cho Doanh nghiệp tham gia Chương trình đối với phương tiện vận tải của các đơn vị để được lưu thông vận chuyển, phân phối hàng hóa đến các siêu thị, mạng lưới bán lẻ theo đề xuất của Sở Công Thương.

9. Chi cục Quản lý thị trường thành phố:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện

và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật như: đầu cơ, găm hàng, kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng gian, hàng giả, hàng không hóa đơn, chứng từ, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không nhãn mác, không đảm bảo an toàn thực phẩm...

- Phối hợp với các sở - ngành chức năng kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về giá liên quan đến Chương trình.

10. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về danh sách điểm bán bình ổn thị trường của Doanh nghiệp tham gia Chương trình để người dân trên địa bàn biết và tham gia mua sắm.

- Rà soát các mặt bằng quận - huyện đang quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đúng mục đích; giới thiệu các Doanh nghiệp tham gia Chương trình phát triển cửa hàng, siêu thị bán hàng bình ổn.

- Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định tại các điểm bán hàng bình ổn thị trường trên địa bàn, thực hiện công tác quản lý giá, kiểm tra, kiểm soát việc niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết trên địa bàn quận - huyện. Chủ động thông tin, phối hợp xử lý kịp thời diễn biến về tình hình cung cầu hàng hóa, các trường hợp biến động giá sữa trên địa bàn (nếu có).

- Tổng hợp, báo cáo diễn biến tình hình cung cầu hàng hóa, giá cả thị trường các mặt hàng sữa trên địa bàn gửi về Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Công Thương, Sở Tài chính theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 1**QUY ĐỊNH THÔNG TIN, BÁO CÁO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1532/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chi Cục Quản lý thị trường báo cáo, đánh giá tình hình giá cả thị trường liên quan đến các mặt hàng trong Chương trình theo địa bàn quản lý.

- Thời gian báo cáo: trước 15 giờ, ngày 05 hàng tháng.

- Báo cáo gửi về: Sở Công Thương - 163 Hai Bà Trưng, quận 3.

Sở Tài chính - 142 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3.

2. Báo cáo tổng hợp.

- Sở Công Thương tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào các ngày 10 hàng tháng.

Đường dây nóng của Chương trình

Điện thoại: 38 291 670 Fax: 38 296 389

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1651/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ
thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2013
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-STP-M ngày 19 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết

định số 2980/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức
hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1651/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này được áp dụng để thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ

Việc thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Chương II

TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ

Điều 4. Vị trí dự kiến đặt trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Vị trí đảm bảo khoảng cách hợp lý so với tổ chức hành nghề công chứng hiện tại trên địa bàn: cộng tối đa 03 điểm.

2. Vị trí thuận lợi cho việc liên hệ của người dân, không gây ách tắc giao thông: cộng tối đa 02 điểm.

Điều 5. Về trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 10 điểm, trong đó:

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

a) Diện tích dưới 100 m²: 0 điểm;

b) Diện tích từ 100 m² đến dưới 150 m²: cộng tối đa 4 điểm;

c) Diện tích từ 150 m² đến dưới 200 m²: cộng tối đa 5 điểm;

d) Diện tích từ 200 m² đến dưới 250 m²: cộng tối đa 7 điểm;

đ) Diện tích từ 250 m² trở lên: cộng tối đa 8 điểm.

2. Về tính pháp lý của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

a) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng thuộc sở hữu của công chứng viên thành lập hoặc thành viên hợp danh: cộng tối đa 2 điểm.

b) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng có hợp đồng thuê, mượn hợp lệ và có thời hạn thuê từ 1 năm trở lên được cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 1 năm đến dưới 5 năm: cộng tối đa 1 điểm;

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 6. Tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Trụ sở làm việc của tổ chức hành nghề công chứng cần được bố trí thành các khu vực (phòng) khoa học, phù hợp, đảm bảo trật tự, an toàn, thuận lợi cho người dân đến giải quyết hồ sơ công chứng: cộng tối đa 3 điểm.

Điều 7. Điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Diện tích dành cho giữ xe

a) Diện tích giữ xe dưới 50 m²: cộng tối đa 0,5 điểm;

b) Diện tích giữ xe từ 50 m² trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không bố trí diện tích dành cho giữ xe sẽ không được cộng điểm mục này.

2. Địa điểm giữ xe thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: cộng tối đa 1 điểm.

3. Tổ chức hành nghề công chứng có phương án phòng chống cháy nổ: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 8. Cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Có dự kiến trang bị máy tính và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng: cộng tối đa 1 điểm.

2. Có dự kiến thiết kế trang web và kết nối internet: cộng tối đa 1 điểm.

3. Có phương án đầu tư xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ, quản lý kế toán: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 9. Loại hình của tổ chức hành nghề công chứng và số lượng công chứng viên

Điểm tối đa là 12 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng do 1 công chứng viên thành lập: 0 điểm

2. Tổ chức hành nghề công chứng do nhiều công chứng viên thành lập: cộng tối đa 4 điểm

3. Số lượng công chứng viên (tối đa là 8 điểm): mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh được cộng 2 điểm, mỗi công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng được cộng 1 điểm.

Điều 10. Kinh nghiệm của công chứng viên liên quan đến hoạt động công chứng

Điểm tối đa là 22 điểm, trong đó số điểm tính cho từng công chứng viên là thành viên hợp danh như sau:

1. Có thời gian công tác pháp luật, cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

a) Từ 10 năm đến 15 năm: cộng 1 điểm.

b) Trên 15 năm: cộng 2 điểm.

2. Có thời gian công tác liên quan đến nghiệp vụ công chứng từ 3 năm trở lên: cộng tối đa 0,5 điểm.

3. Có thời gian làm công tác nghiệp vụ công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trước khi bổ nhiệm công chứng viên được cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

a) Từ 2 năm trở lên: cộng 1 điểm.

b) Từ 3 năm trở lên: cộng 2 điểm.

4. Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên được cộng tối đa 5 điểm, cụ thể:

a) Dưới 3 năm: cộng 1 điểm;

b) Từ 3 năm đến dưới 5 năm: cộng 2 điểm;

c) Từ 5 năm đến dưới 10 năm: cộng 3 điểm;

d) Từ 10 năm đến dưới 15 năm: cộng 4 điểm;

đ) Từ 15 năm trở lên: cộng 5 điểm.

5. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, số điểm của mỗi công chứng viên được tính bằng một nửa số điểm của mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 11. Thư ký nghiệp vụ

Điểm tối đa là 14 điểm, trong đó:

1. Mỗi thư ký nghiệp vụ được tính 0,5 điểm.

2. Mỗi thư ký nghiệp vụ được cộng tối đa 2 điểm nếu thuộc các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian làm công tác pháp luật từ 5 năm trở lên: cộng 1 điểm;

b) Đã có chứng chỉ tốt nghiệp khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng: cộng 1 điểm.

3. Mỗi thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng được cộng tối đa 1,5 điểm, cụ thể:

a) Từ 1 năm trở lên: cộng 0,5 điểm;

b) Từ 3 năm trở lên: cộng 1 điểm;

c) Từ 5 năm trở lên: cộng 1,5 điểm.

Điều 12. Nhân sự phụ trách kế toán

Điểm tối đa là 4 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm kế toán: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành kế toán: cộng tối đa 1 điểm;
3. Nhân viên kế toán đã qua lớp đào tạo bồi dưỡng kế toán trưởng: cộng tối đa 1 điểm;
4. Nhân viên kế toán có thời gian công tác kế toán được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:
 - a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
 - b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 13. Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên công nghệ thông tin: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin: cộng tối đa 1 điểm;
3. Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian công tác công nghệ thông tin được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:
 - a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
 - b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.
4. Nếu tổ chức hành nghề công chứng không có nhân viên công nghệ thông tin nhưng có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 14. Nhân sự phụ trách lưu trữ

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm công tác lưu trữ: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành lưu trữ: cộng tối đa 1 điểm;

3. Nhân viên lưu trữ có thời gian công tác lưu trữ được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:

- a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
- b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 15. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật: cộng tối đa 3 điểm.
2. Xây dựng quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định pháp luật: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 16. Khả năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị được cộng tối đa 2 điểm.
2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng từng có kinh nghiệm quản trị tổ chức hành nghề công chứng trên 1 năm được cộng tối đa 3 điểm.

Điều 17. Tính khả thi của Đề án

Đề án thể hiện được tính khả thi và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định được tính tối đa 8 điểm.

Điều 18. Những trường hợp không được tính điểm

1. Cùng một nhân sự, địa điểm dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.
2. Nhân sự đã tham gia các hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép thành lập năm 2012 (trừ trường hợp công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, nay tham gia thành lập văn phòng công chứng).
3. Công chứng viên, thư ký nghiệp vụ đã từng bị xử lý kỷ luật trong quá trình công tác, bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử

dụng thẻ công chứng viên (có thời hạn hoặc không có thời hạn) trong thời hạn 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

4. Nhân sự có độ tuổi từ 60 trở lên đối với nữ và từ 65 tuổi trở lên đối với nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

5. Công chứng viên đã rút tên khỏi thành viên hợp danh của các tổ chức hành nghề công chứng trong thời gian 6 tháng tính đến thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chí này.

6. Mỗi hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng được tính điểm tối đa 05 công chứng viên và 05 thư ký nghiệp vụ.

Chương III **CÁCH THỨC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ**

Điều 19. Tổ thẩm định hồ sơ

1. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ:

Các thành viên của Tổ thẩm định hồ sơ làm việc độc lập, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại Mục II của Quy định này để thẩm định và chấm điểm từng hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 20. Cách thức chấm điểm

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc thẩm định và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định.

3. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt từ 60 điểm trở lên và có số điểm cao nhất trong số hồ sơ xin thành lập trong 1 đơn vị quy hoạch (quận, huyện). Trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau, thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Hồ sơ có số điểm chất lượng công chứng viên cao hơn;
- b) Hồ sơ có số điểm chất lượng thư ký nghiệp vụ cao hơn;
- c) Hồ sơ có số điểm cơ sở vật chất cao hơn.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng theo quy định.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Khiếu nại, tố cáo

1. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối đó là trái với Quy định này.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này.

Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1693/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 31/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp từ năm 2009 đến năm 2012; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI);

Căn cứ Công văn số 113/LĐTBXH-PC ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai Đề án 31 giai đoạn II;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố tại Tờ trình số 3239/TTr-SLĐTBXH ngày 19 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố, Chủ tịch Liên minh các hợp tác xã Việt Nam thành phố, Giám đốc Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động,
người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
từ năm 2013 đến năm 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Thực hiện Quyết định số 31/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp từ năm 2009 đến năm 2012; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI); Công văn số 113/LĐTBOXH-PC ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai Đề án 31 giai đoạn II; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động, người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố từ năm 2013 đến năm 2016 với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp, cụ thể là Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008

của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Chỉ thị số 22-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 6 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI);

2. Khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trong thời gian qua trên địa bàn thành phố. Đảm bảo kế thừa, phát huy kết quả đã đạt được trong công tác này, đồng thời đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để tạo hiệu quả tốt hơn.

3. Đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và đồng bộ giữa các nội dung, hoạt động tuyên truyền và tận dụng tối đa các nguồn lực để xã hội hóa công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tránh lãng phí. Nội dung hoạt động của Kế hoạch phải phong phú, tạo điều kiện thuận lợi thu hút sự tham gia của các sở ngành, đoàn thể, đặc biệt khuyến khích sự chủ động tham gia của các doanh nghiệp vào công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp. Nâng cao ý thức tôn trọng, tinh thần trách nhiệm tiếp thu, tự giác thực hiện pháp luật của người lao động, người sử dụng lao động để đảm bảo công tác thực thi pháp luật được hiệu quả và bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật nói chung, pháp luật lao động nói riêng đối với người lao động và người sử dụng lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa tại các doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân;

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên toàn thành phố; đổi mới và nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định pháp luật khác liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp và quyền, nghĩa vụ công dân cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và xây dựng thành phố văn minh, hiện đại.

3. Hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu theo Đề án, Kế hoạch của Trung ương về người lao động và người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quyền, nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong từng năm và giai đoạn năm 2013 đến năm 2016.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hoạt động của Ban Điều hành:

a) Xây dựng văn bản:

- Văn bản hướng dẫn các sở, ngành, quận - huyện, thực hiện Kế hoạch;
- Kiện toàn Ban Điều hành, Tổ thư ký;
- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện;
- Dự toán kinh phí triển khai, thực hiện Kế hoạch.

b) Tổ chức các cuộc họp của Ban Điều hành Kế hoạch và Tổ thư ký:

- Đánh giá về kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2010 - 2012, trong từng năm tiếp theo và cả giai đoạn 2013 - 2016;
- Thảo luận, thông qua Kế hoạch thực hiện từng năm trong giai đoạn 2013 - 2016.

2. Nội dung thực hiện:

a) Rà soát, củng cố, kiện toàn nguồn nhân lực của công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại quận - huyện, các loại hình doanh nghiệp:

- Rà soát nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại sở, ngành, quận - huyện, các loại hình doanh nghiệp;
- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và xây dựng mẫu thực hiện thống kê, rà soát;
- Các sở, ngành, tổ chức, quận - huyện thực hiện thống kê, rà soát;
- Xây dựng báo cáo tổng hợp về kết quả thực hiện thống kê, rà soát nguồn nhân lực của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật định kỳ trong 6 tháng, 1 năm cho đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại các sở, ngành, quận - huyện;
- Tập huấn nâng cao năng lực báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp.

c) Xây dựng chương trình, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Xây dựng chương trình khung, chương trình chi tiết bồi dưỡng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật lao động, nghiệp vụ hòa giải lao động ở cơ sở;

- Biên soạn và cấp phát miễn phí một số tài liệu pháp luật đối với từng đối tượng của sở, ngành. In ấn cẩm nang, sổ tay, tờ rơi, áp phích tuyên truyền pháp luật lao động; Luật Công đoàn và pháp luật khác liên quan để cấp phát cho người lao động và người sử dụng lao động.

d) Các hoạt động tổ chức bồi dưỡng chuyên môn pháp lý, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ quan chuyên môn thuộc các sở, ngành, đơn vị, quận - huyện. Tập trung bồi dưỡng về kỹ năng thuyết trình, kỹ năng biên soạn tài liệu và tư vấn giải quyết các tình huống pháp luật thực tế;

- Tổ chức lớp tập huấn kiến thức pháp luật và phương pháp tuyên truyền pháp luật cho các hòa giải viên và tuyên truyền viên cơ sở tại 24 quận - huyện;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân và người lao động để tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tổ chức Hội thi, cuộc thi viết tìm hiểu pháp luật lao động và các pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân của người lao động và người sử dụng lao động;

- Tổ chức tư vấn, giải đáp thắc mắc về pháp luật lưu động tại các doanh nghiệp, khu nhà trọ công nhân;

- Tổ chức giám sát, đánh giá tác động, hiệu quả của các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Các giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về chính sách:

Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định khác có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp và quyền, nghĩa vụ công dân tại doanh nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động, cụ thể:

- Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đóng góp kinh phí cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp;

- Chế độ hỗ trợ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên làm công tác tuyên truyền phổ biến tại doanh nghiệp;

- Khuyến khích việc lồng ghép công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp và quyền, nghĩa vụ công dân tại doanh nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động.

b) Giải pháp về cơ chế:

b.1) Cơ chế huy động nguồn lực tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Tăng cường đầu tư của Nhà nước cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định khác có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp và quyền, nghĩa vụ công dân tại doanh nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động;

- Sở Tư pháp thành phố tiếp tục thực hiện Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước”;

- Khuyến khích sự đóng góp tài chính của doanh nghiệp cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp;

- Huy động các nguồn lực hỗ trợ khác.

b.2) Cơ chế phân công và phối hợp:

Các hoạt động của Ban Điều hành và Tổ Thư ký được phân thành các nhóm hoạt động và được giao cho từng cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện, có phân định trách nhiệm giữa các cơ quan để chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung hoạt động của Kế hoạch.

b.3) Cơ chế giám sát, đánh giá:

- Tăng cường hiệu lực công tác giám sát của các sở, ngành liên quan;

- Phát huy cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực hiện Kế hoạch;

- Huy động sự tham gia của người lao động và người sử dụng lao động vào việc thực hiện và giám sát các hoạt động thực hiện của Kế hoạch.

b.4) Các giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ:

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các cơ quan tham gia thực hiện đề án và các cơ quan có liên quan;

- Tập trung tuyên truyền phổ biến những nội dung có trọng tâm, trọng điểm theo từng đối tượng, từng loại hình doanh nghiệp, ngành nghề sản xuất kinh doanh và theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của thành phố;

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức, phương pháp phổ biến tuyên truyền; kết hợp các hình thức tuyên truyền truyền thống với các hình thức truyền thông hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với từng nội dung và từng đối tượng tuyên truyền;

- Xây dựng mô hình điểm, kết hợp với việc biểu dương điển hình tiên tiến, xử phạt nghiêm minh và tạo dư luận phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ năm 2013 đến năm 2016 là 8.847.740.000 (Tám tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng. (Phụ lục kèm theo), bao gồm các nội dung:

- Rà soát tình hình hoạt động, thực trạng sử dụng lao động và quan hệ lao động trong tất cả các loại hình doanh nghiệp;

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho báo cáo viên, tuyên truyền viên sở, ngành, quận, huyện, doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định của pháp luật khác trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- In ấn sách cẩm nang, sổ tay, tờ rơi, áp phích;

- Tổ chức Hội thi, cuộc thi viết tìm hiểu về pháp luật lao động và các quy định pháp luật khác cho người lao động và người sử dụng lao động;

- Tổ chức giám sát và đánh giá tác động, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật;

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá thực hiện Kế hoạch.

2. Nguồn kinh phí:

a) Từ nguồn ngân sách của thành phố được phân bổ hàng năm theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực chủ trì, điều phối Kế hoạch có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi tiết hàng năm trên cơ sở kế hoạch nội dung các hoạt động của Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực tế thực hiện với Sở Tài chính theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp được sử dụng nguồn kinh phí ngân sách, nguồn huy động xã hội hóa hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phạm vi về thời gian và đối tượng thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Kế hoạch được triển khai thực hiện từ năm 2013 đến hết năm 2016.

b) Đối tượng thực hiện:

- Các cơ quan, tổ chức tham gia tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật;
- Công chức, viên chức làm công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật;
- Người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thành phố.

2. Tổ chức điều hành Kế hoạch:

a) Kiện toàn Ban Điều hành điều hành thực hiện Kế hoạch do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố làm Phó Trưởng Ban Thường trực và đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã, Liên đoàn Lao động thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên Ban Điều hành;

b) Tổ thư ký giúp việc cho Ban Điều hành là cán bộ, công chức các sở, ngành tham gia thực hiện Kế hoạch. Phân công công chức Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Tổ trưởng Tổ Thư ký giúp việc cho Ban Điều hành;

c) Các cơ quan, tổ chức đoàn thể tham gia tuyên truyền phổ biến pháp luật chủ

trì triển khai thực hiện các hoạt động của mình theo sự chỉ đạo, điều hành của Ban Điều hành thực hiện Kế hoạch.

3. Phân công trách nhiệm thực hiện:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: là cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch, đồng thời phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động sau:

- Tổ chức rà soát tình hình hoạt động và thực trạng sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp. Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện việc phổ biến, giáo dục pháp luật lao động trong doanh nghiệp;

- Xây dựng nguồn tài liệu, in ấn sách cẩm nang, sổ tay, tờ rơi để cấp phát cho người lao động và người sử dụng lao động;

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật lao động, Hội thi, cuộc thi tìm hiểu chủ yếu trong các doanh nghiệp Nhà nước và các doanh nghiệp lớn của thành phố;

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Dạy nghề và các văn bản pháp luật liên quan;

- Tổ chức các hoạt động giám sát, đánh giá hiệu quả tác động của hoạt động thực hiện Kế hoạch.

b) Sở Tư pháp:

Cơ quan tư vấn về phương pháp thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham gia Kế hoạch thực hiện:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tiếp tục thực hiện Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước” trong đó có đội ngũ nhân lực thực hiện Kế hoạch này theo Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phối hợp với các sở, ngành biên soạn tài liệu về pháp luật lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến các hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động;

- Phối hợp tổ chức Hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật về lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân của người lao động và người sử dụng lao động.

c) Liên đoàn Lao động thành phố:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham gia thực hiện Kế hoạch này đồng thời chỉ đạo các cấp công đoàn xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, pháp luật công đoàn và một số nội dung pháp luật liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp cho người lao động tập trung trong các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tổ chức tư vấn, giải đáp thắc mắc về pháp luật lưu động tại các doanh nghiệp, khu nhà trọ công nhân;

- Tổ chức hội thi tuyên truyền viên về pháp luật và các quy định pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân của người lao động và người sử dụng lao động;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền viên cơ sở;

- Phổ biến pháp luật lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân của người lao động để tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Liên minh Hợp tác xã:

Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy chế phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã tổ chức tuyên truyền pháp luật lao động, Luật Hợp tác xã và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động trong các hợp tác xã hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

đ) Phòng Thương mại Công nghiệp chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Thực hiện tập huấn, tọa đàm, in ấn tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, pháp luật công đoàn và một số nội dung pháp luật liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp cho người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Phối hợp các sở, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật về lao động, công đoàn và pháp luật khác có liên quan trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

e) Sở Tài chính:

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí hàng năm phục vụ

các hoạt động theo nội dung Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

g) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, định hướng thông tin tuyên truyền cho các cơ quan Báo, Đài thành phố về nội dung thực hiện Kế hoạch từ năm 2013 - 2016 và từng giai đoạn cụ thể;

- Phối hợp với các thành viên Ban điều hành Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ công dân và người lao động để tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

h) Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật lao động ở các doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp quản lý;

- Phối hợp tham gia các Hội thi, cuộc thi viết tìm hiểu về pháp luật lao động và pháp luật khác có liên quan do các sở, ngành tổ chức;

- Huy động các nguồn lực và kiến nghị các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đóng góp kinh phí cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp.

i) Các cơ quan khác tham gia thực hiện Kế hoạch:

Các Sở - ngành, cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của sở ngành, cơ quan, đơn vị mình có trách nhiệm thực hiện theo sự phân công, phối hợp của Ban Điều hành.

k) Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

Trên cơ sở Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai tại địa phương; chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Phòng Tư pháp và các cơ quan có liên quan, các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp trên địa bàn quận - huyện triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo theo quy định.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Các sở, ngành chức năng có liên quan của thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định: báo cáo quý (trước ngày 15 tháng cuối quý); 6 tháng (trước ngày 15

tháng 6); báo cáo năm (trước ngày 15 tháng 12) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Pháp chế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn vướng mắc các sở - ngành, quận - huyện có báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để chỉ đạo giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng